



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: 0101074336

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 11 tháng 12 năm 2023

Mã của cơ quan thuế: 00B8DF879DA1D44A73A6F22DA3CA80174D

Ký hiệu: 1C23TMD

Số: 70

Họ và tên người mua hàng: Bùi Xuân Đức

Tên đơn vị: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY XÂY LẮP MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 804, Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Số tài khoản: 118002646999 Tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Uông Bí.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 5700100256-067

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gói cung cấp số 02: Tư vấn lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hệ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV theo hợp đồng số 603/2023/HĐ-XLM, ký ngày 13/09/2023 và Biên bản nghiệm thu ngày 11/12/2023.	Gói	1	324.449.320	324.449.320
Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:					324.449.320
Thuế suất GTGT: 8%			Tiền thuế GTGT:		25.955.946
Tổng tiền thanh toán:					350.405.266

Số tiền bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu bốn trăm linh năm nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 11/12/2023 11:06:57

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.vn/> Mã tra cứu: BD5DB305FDA4DDF2

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoa số dư đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 9 năm 2023

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG

Số: 603 /2023 /HĐ-XLM

Gói cung cấp số 02: Tư vấn lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hộ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV

GIỮA

CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY XÂY LẮP MỎ - TKV

VÀ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ
XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Dẫn giải

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 10. Giá hợp đồng

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà cung cấp

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên mời nhà cung cấp

Điều 14. Nhà cung cấp phụ (nếu có)

Điều 15. Nhân lực của Nhà cung cấp

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 17. Bảo hiểm

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 26. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 27. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 5. Giá hợp đồng

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 7. Nhân lực của Nhà cung cấp

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 13. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 14. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại Văn phòng Công ty xây lắp mỏ - TKV - Số 804 Khu 7B - P. Cẩm Phú - TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN MỜI NHÀ CUNG CẤP: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM-CÔNG TY XÂY LẮP MỎ-TKV.

Địa chỉ : Số 804, Khu 7B, P. Cẩm Phú, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện Thoại : 0203.3862.601 - Fax: 0203.3860.288

Mã số thuế : 5700100256067

Tài khoản : 118002646999 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Uông Bí.

Đại diện là ông : **Lê Trung Toán** - Chức vụ: Giám đốc.

NHÀ CUNG CẤP: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30, phố Tạ quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng GD : Tầng 1 Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 18 phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 84(24) 37550428

Mã số thuế : 0101074336

Tài khoản : 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội

Đại diện là ông : **Trần Đình Kiên** - Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên đã thương thảo và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn xây dựng của gói cung cấp số 02: Tư vấn lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hộ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 3 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số: 1368/QĐ-TKV ngày 11/8/2023 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy định về lựa chọn Nhà thầu hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ phục vụ và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên, liên tục trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số: 2966/QĐ-XLM ngày 04/9/2023 của Giám đốc Công ty xây lắp mỏ - TKV V/v Phê duyệt Đề cương – khái toán chi phí và KHLCNCC gói cung cấp số 02: Tư vấn Lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hộ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV;

Căn cứ vào Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng ngày 07/9/2023 đã ký giữa Công ty xây lắp mỏ - TKV và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thực hiện Gói cung cấp số 02: Tư vấn Lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hộ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV;

Căn cứ Quyết định số: 3004/QĐ-XLM ngày 11/9/2023 của Giám đốc Công ty xây lắp mỏ - TKV về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói cung cấp số 02: Tư vấn Lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hộ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV;

Căn cứ thông báo số: 2410/XLM-KĐT ngày 11/9/2023 của Giám đốc Công ty xây lắp mỏ - TKV về việc thông báo kết quả chỉ định gói cung cấp số 02: Tư vấn Lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hệ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV;

Các văn bản liên quan khác.



PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải.

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Bên mời nhà cung cấp là Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam-Công ty xây lắp mỏ-TKV.

2. Nhà cung cấp là Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.

3. Công trình là nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hộ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV.

4. Gói cung cấp là Tư vấn Lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hộ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV.

5. Đại diện Bên mời nhà cung cấp là người được Bên mời nhà cung cấp nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên mời nhà cung cấp điều hành công việc.

6. Đại diện Nhà cung cấp là người được Nhà cung cấp nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà cung cấp chỉ định và thay mặt Nhà cung cấp điều hành công việc.

7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].

8. Bên là Bên mời nhà cung cấp hoặc Nhà cung cấp ủy theo hoàn cảnh cụ thể.

9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

10. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

11. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng.

- Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT].

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên.

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo chỉ định thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

- c) Điều kiện chung của hợp đồng;
- d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- e) Biên bản đàm phán hợp đồng;
- f) Các phụ lục của hợp đồng;
- g) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin.

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.

- 1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- 2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng.

1. Việc thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định lần lượt tại Điều 16 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

2. Nhà cung cấp phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị là 3% [quy định tại ĐKCT] cho Bên mời nhà cung cấp trong vòng 07 ngày trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng trong hoặc ngoài nước được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc.

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Bên B đã hoàn thành công việc theo thoả thuận của hợp đồng đã ký kết và được Bên A nghiệm thu. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 03 ngày trước ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

5. Nhà cung cấp sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp Nhà cung cấp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực và các trường hợp vi phạm khác được quy định trong hợp đồng.

6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả cho Nhà cung cấp khi đã hoàn thành các công việc theo thỏa thuận của hợp đồng.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà cung cấp thực hiện được thể hiện cụ thể trong dự thảo hợp đồng của Bên mời nhà cung cấp và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các Nhà cung cấp bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tổng quan về công tác thiết kế hộ chiếu khoan nổ mìn và hiện trạng áp dụng tại hiện trường.

- Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả khoan nổ mìn và các giải pháp nâng cao hiệu quả khoan nổ mìn khi đào lò.

- Lựa chọn lý thuyết tính toán các thông số khoan nổ mìn và cách bố trí lỗ mìn trên gương.

- Tính toán xác định và lựa chọn các thông số khoan nổ mìn hợp lý cho các dạng tiết diện của đường lò

- Lập bản vẽ hộ chiếu khoan nổ mìn cho đường lò và áp dụng thử nghiệm tại hiện trường

- Kết luận và kiến nghị.

- Sửa đổi bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của bên mời nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn bao gồm:

- Thuyết minh đề tài.

- Thiết kế bản vẽ thi công, chỉ dẫn kỹ thuật.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà cung cấp hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.

2. Đề tài nghiên cứu.

3. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 10. Giá hợp đồng.

1. Giá hợp đồng.

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại **ĐKCT**].

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng.

b) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn xây dựng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp.

- Chi phí giám sát tác giả đối với tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Bên mời nhà cung cấp.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng.

- Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn.

- Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

- Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn.

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP , Bên mời nhà cung cấp và Nhà cung cấp có

trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Bên mời nhà cung cấp, Nhà cung cấp căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên mời nhà cung cấp, Nhà cung cấp căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

- Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà cung cấp.

1. Quyền của Nhà cung cấp:

a) Yêu cầu Bên mời nhà cung cấp cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Bên mời nhà cung cấp hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên mời nhà cung cấp.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Bên mời nhà cung cấp thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà cung cấp:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Bên mời nhà cung cấp theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp.

c) Bảo quản và giao lại cho Bên mời nhà cung cấp những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên mời nhà cung cấp cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Bên mời nhà cung cấp về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng: Nhà cung cấp phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà cung cấp theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà cung cấp trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà cung cấp để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Bên mời nhà cung cấp các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà cung cấp thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà cung cấp có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên mời nhà cung cấp tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà cung cấp phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của Nhà cung cấp phụ (nếu có) có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Bên mời nhà cung cấp phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên mời nhà cung cấp, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên mời nhà cung cấp.

1. Quyền của Bên mời nhà cung cấp:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà cung cấp nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà cung cấp.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà cung cấp thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Bên mời nhà cung cấp:

a) Cung cấp cho Nhà cung cấp thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà cung cấp theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà cung cấp theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà cung cấp.

g) Tạo điều kiện cho Nhà cung cấp thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà cung cấp nếu Bên mời nhà cung cấp cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 14: Nhà cung cấp phụ: Không có.

Điều 15. Nhân lực của Nhà cung cấp.

1. Nhân lực của Nhà cung cấp và Nhà cung cấp phụ (nếu có) phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh

nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong danh sách của Nhà cung cấp gửi cho Bên mời nhà cung cấp. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà cung cấp phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên mời nhà cung cấp, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Bên mời nhà cung cấp không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà cung cấp thì nhân sự đó coi như được Bên mời nhà cung cấp chấp thuận.

3. Bên mời nhà cung cấp có quyền yêu cầu Nhà cung cấp thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà cung cấp phải gửi văn bản thông báo cho Bên mời nhà cung cấp trong vòng 03 ngày [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp về việc thay đổi nhân sự. Trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà cung cấp chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà cung cấp có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên mời nhà cung cấp chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Bên mời nhà cung cấp và Nhà cung cấp thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục hợp đồng bổ sung.

6. Nhà cung cấp tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà cung cấp không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu.

- Nhà cung cấp sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Bên mời nhà cung cấp được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà cung cấp.

- Nhà cung cấp phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà cung cấp thực hiện và cung cấp cho Bên mời nhà cung cấp không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

- Bên mời nhà cung cấp sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm.

- Nhà cung cấp mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà cung cấp phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên mời nhà cung cấp đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên mời nhà cung cấp phải bồi thường những tổn hại cho Nhà cung cấp đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà cung cấp bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà cung cấp sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên mời nhà cung cấp phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà cung cấp.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên mời nhà cung cấp sẽ phải thanh toán cho Nhà cung cấp:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà cung cấp, hoặc những thứ Nhà cung cấp có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Bên mời nhà cung cấp khi đã được Bên mời nhà cung cấp thanh toán và Nhà cung cấp sẽ để cho Bên mời nhà cung cấp sử dụng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng.

1. Tạm ngừng công việc bởi Bên mời nhà cung cấp.

- Nếu Nhà cung cấp không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Bên mời nhà cung cấp có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà cung cấp bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Bên mời nhà cung cấp phải nêu rõ phần lỗi của Nhà cung cấp và yêu cầu Nhà cung cấp phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Nhà cung cấp phải bồi thường thiệt hại cho Bên mời nhà cung cấp do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà cung cấp.

a) Nếu Bên mời nhà cung cấp không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên mời nhà cung cấp, Nhà cung cấp có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên mời nhà cung cấp thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà cung cấp phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà cung cấp phải thông báo cho Bên mời nhà cung cấp để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên mời nhà cung cấp xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công

việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng.

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên mời nhà cung cấp.

- Bên mời nhà cung cấp có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà cung cấp. Bên mời nhà cung cấp sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà cung cấp không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều 6 [Bảo đảm thực hiện hợp đồng].

b) Nhà cung cấp không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà cung cấp không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Bên mời nhà cung cấp có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời nhà cung cấp về sai sót đó.

c) Nhà cung cấp không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

d) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên mời nhà cung cấp.

đ) Nhà cung cấp bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà cung cấp từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hoà giải và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà cung cấp cố ý trình Bên mời nhà cung cấp các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên mời nhà cung cấp.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Bên mời nhà cung cấp có thể thuê các Nhà cung cấp khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên mời nhà cung cấp và các Nhà cung cấp này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà cung cấp.

- Nhà cung cấp có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên mời nhà cung cấp tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên mời nhà cung cấp trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Bên mời nhà cung cấp không thanh toán cho Nhà cung cấp theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Bên mời nhà cung cấp nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên mời nhà cung cấp không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hoà giải và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà cung cấp không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

đ) Bên mời nhà cung cấp bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà cung cấp sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng.

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP .

b) Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên mời nhà cung cấp rằng Nhà cung cấp đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà cung cấp sẽ trình cho Bên mời nhà cung cấp 05 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên mời nhà cung cấp phải thanh toán cho Nhà cung cấp.

c) Nếu Bên mời nhà cung cấp không đồng ý hoặc cho rằng Nhà cung cấp chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp

đồng, Nhà cung cấp sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên mời nhà cung cấp có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà cung cấp sẽ chuẩn bị và trình cho Bên mời nhà cung cấp quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Bên mời nhà cung cấp sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho Nhà cung cấp.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.

- Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần [quy định tại ĐKCT]:

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng.

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là [quy định tại ĐKCT].

2. Tiến độ chi tiết:

- Thời gian và phần công việc hoàn thành [quy định tại ĐKCT].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà cung cấp hoặc Bên mời nhà cung cấp gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà cung cấp.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán.

1. Tạm ứng: Không tạm ứng.

2. Tiến độ thanh toán.

- Số lần thanh toán là 01 lần [quy định tại ĐKCT].

- Sau khi có Quyết định phê duyệt đề tài của bên mời nhà cung cấp thì hai bên làm biên bản nghiệm thu, bên mời nhà cung cấp thanh toán cho Nhà cung cấp 100% giá trị thanh lý hợp đồng trong vòng [quy định tại ĐKCT], kể từ ngày Bên mời nhà cung cấp nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà cung cấp, Bên mời nhà cung cấp phải thanh toán cho Nhà cung cấp.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo quy định của nhà nước.

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng.

- Đề nghị thanh toán của Nhà cung cấp bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này (nếu có).

- Hoá đơn GTGT.

- Biên bản Thanh lý hợp đồng.

- Các chứng từ hợp lệ khác có liên quan.

4. Đồng tiền thanh toán là: đồng tiền Việt Nam.

5. Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

- Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

- Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại.

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng.

- Đối với Nhà cung cấp: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**] thì phạt [quy định tại **ĐKCT**] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại **ĐKCT**].

3. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.

Điều 27. Điều khoản chung.

- Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Bên mời nhà cung cấp sẽ giữ, số bản Nhà cung cấp sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 3% giá hợp đồng.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là 06 bộ.

Điều 5. Giá hợp đồng.

1. Giá hợp đồng.

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền đã bao gồm thuế VAT là: **350.405.266** đồng (*Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu, bốn trăm linh năm nghìn, hai trăm sáu mươi sáu đồng*).

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng:

a) Trường hợp bên mời nhà cung cấp có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

b) Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà cung cấp thì nhà cung cấp phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà cung cấp phải kiến nghị bên mời nhà cung cấp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà cung cấp phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho bên mời nhà cung cấp thì nhà cung cấp phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của bên mời nhà cung cấp thì bên mời nhà cung cấp phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà cung cấp thì phải bồi thường.

Điều 7. Nhân lực của Nhà cung cấp.

3. Nhà cung cấp phải gửi văn bản thông báo cho Bên mời nhà cung cấp trong vòng là 05 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng.

- Bên mời nhà cung cấp có thể chấm dứt hợp đồng sau 03 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà cung cấp.

- Nhà cung cấp không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà cung cấp không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 03 ngày.

- Nhà cung cấp không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng] hoặc 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

- Nhà cung cấp có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên mời nhà cung cấp tối thiểu là 03 ngày.

- Công việc bị ngừng do lỗi của Bên mời nhà cung cấp trong khoảng thời gian 07 ngày.

- Bên mời nhà cung cấp không thanh toán cho Nhà cung cấp theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 120 ngày kể từ ngày Bên mời nhà cung cấp nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà cung cấp không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 10 ngày.

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.

- Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần.

- Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà cung cấp cung cấp, bên mời nhà cung cấp căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà cung cấp phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, (bao gồm cả ngày nghỉ lễ, tết chủ nhật theo quy định và không bao gồm thời

gian các ngày thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các trường hợp bất khả kháng).

2. Tiến độ chi tiết.

- Thời gian và phần công việc hoàn thành ngày 12 tháng 12 năm 2023.

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán.

1. Tạm ứng: Không.

2. Tiến độ thanh toán.

- Số lần thanh toán là 01 lần.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt đề ti của bên mời nhà cung cấp thì hai bên làm biên bản nghiệm thu, bên mời nhà cung cấp thanh toán cho Nhà cung cấp 100% giá trị thanh lý hợp đồng.

- Khoảng thời gian Bên mời nhà cung cấp sẽ thanh toán cho Nhà cung cấp khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà cung cấp là trong vòng 120 ngày.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 07 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

- Thời gian để tiến hành hòa giải là 07 ngày.

- Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là 03 ngày.

- Thời gian tiến hành Trọng tài phân xử là 30 ngày kể từ khi thông báo không thỏa mãn được đưa ra bởi một bên.

- Hình thức giải quyết tranh chấp: Các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại.

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng.

- Thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là 05 ngày chậm.

- Tỷ lệ phạt là 1 % giá hợp đồng cho 05 ngày chậm.

- Số tiền phạt tối đa bên nhận phải chịu là 12 % giá trị hợp đồng.


3. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.

Điều 14. Điều khoản chung.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2023 và sau khi bên mời nhà cung cấp nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà cung cấp theo Điều 6 Hợp đồng.

- Hợp đồng này bao gồm 25 trang, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên mời nhà cung cấp sẽ giữ 02 bản, Nhà cung cấp sẽ giữ 02 bản. *gan*

**ĐẠI DIỆN BÊN MỜI NHÀ CUNG CẤP
GIÁM ĐỐC**



[Handwritten signature]

Lê Trung Toán

**ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP
GIÁM ĐỐC**



[Handwritten signature]

Trần Đình Kiên

7/2/2023

11.12.23

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

“V/v Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hệ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty Xây lắp mỏ - TKV”.

1. Đối tượng nghiệm thu

- Hồ sơ đề tài: Nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hệ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty Xây lắp mỏ - TKV.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu

2.1 Đại diện chủ đầu tư: Công ty Xây lắp mỏ - TKV (Bên A).

- | | |
|----------------------------|------------------|
| 1. Ông: Đỗ Sĩ Thành | Phó Giám đốc |
| 2. Ông: Bùi Thanh Tuấn | Trưởng phòng KCM |
| 3. Ông: Nguyễn Quang Thịnh | Trưởng Phòng KĐT |
| 4. Ông: Phạm Văn Thành | Trưởng phòng TĐ |
| 5. Ông: Nguyễn Thanh Hà | Phó Phòng KCM |
| 6. Ông: Bùi Xuân Đức | CB Phòng KĐT |

2.2 Đại diện nhà thầu tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất (Bên B).

- | | |
|-------------------------------|------------------|
| 1. Ông: PGS.TS Trần Đình Kiên | Giám đốc |
| 2. Ông: PGS.TS Đào Việt Đoàn | Chủ nhiệm đề tài |
| 3. Ông: TS. Vũ Trung Tiến | Cán bộ kỹ thuật |

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: 8 giờ 00' ngày 11 tháng 12 năm 2023.

Kết thúc: 10 giờ 00' ngày 11 tháng 12 năm 2023.

Địa điểm: Tại văn phòng Công ty Xây lắp mỏ - TKV.

4. Đánh giá hồ sơ

4.1. Căn cứ nghiệm thu

- Quyết định số 2966/QĐ- XLM ngày 04 tháng 9 năm 2023 “Về việc phê duyệt phê duyệt đề cương-dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Lập đề tài

ngiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hệ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV”.

- Hợp đồng số: 603/2023/HĐ-XLM, ngày 13/9/2023 giữa Chi nhánh tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam – Công ty xây lắp mỏ - TKV với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện gói cung cấp số 02: Tư vấn lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hệ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV.

- Biên bản cung cấp tài liệu ngày 19/9/2023 giữa Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất và Công ty Xây lắp mỏ - TKV.

- Quyết định số 4210/QĐ-XLM ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc công ty Xây lắp mỏ - TKV “*Về việc phê duyệt Đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hệ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV*”.

- Hồ sơ đề tài Nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hệ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV: Thuyết minh đề tài, báo cáo nổ mìn thử nghiệm tại hiện trường, USB chứa tài liệu.

4.2. Chất lượng hồ sơ:

- Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất và Công ty Xây lắp mỏ - TKV lập “*Đề tài Nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hệ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV*”:

- + Tuân thủ Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng.
- + Thỏa mãn các điều kiện an toàn lao động và các yêu cầu liên quan.
- + Thể hiện đề tài nghiên cứu theo quy định hiện hành của nhà nước, thỏa mãn yêu cầu hợp đồng đề ra.

4.3. Về khối lượng công việc tư vấn

- Hồ sơ tài liệu bên B bàn giao cho bên A gồm:

STT	Tài liệu	Số lượng
1	Thuyết minh đề tài	06 bộ
2	Báo cáo nổ mìn thử nghiệm tại hiện trường	06 bộ
3	USB chứa tài liệu	01 cái

4.4. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Bên B hoàn thành và bàn giao hồ sơ đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của bên A và theo hợp đồng hai bên đã ký.

4.5. Các vấn đề khác: Không.

5. Giá trị thực hiện hợp đồng

- Giá Hợp đồng sau thuế là: **350.405.266** đồng. *Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu, bốn trăm linh năm nghìn, hai trăm sáu mươi sáu đồng.*

6. Kết luận

- Đồng ý nghiệm thu hồ sơ đề tài: “Nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hệ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV”.

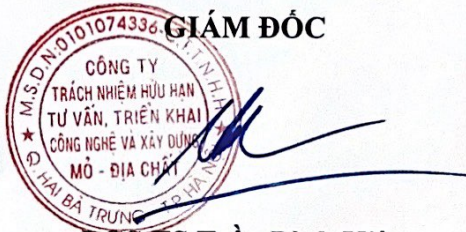
- Biên bản được lập thành 06 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản gốc làm cơ sở thực hiện các công việc tiếp theo./.

ĐẠI DIỆN B

**C.TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI
CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ -**

ĐỊA CHẤT

GIÁM ĐỐC



PGS.TS Trần Đình Kiên

Chủ nhiệm đề tài: *[Signature]*

Đào Việt Hoàn

ĐẠI DIỆN A

**CÔNG TY XÂY LẮP MỎ - TKV
KT. GIÁM ĐỐC**

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Sĩ Thành

P.KCM

[Signature]

P.KĐT

[Signature]

P.TĐ

[Signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG
(Hợp đồng số: 603/2023/HĐ-XLM ngày 13/9/2023)

Căn cứ Hợp đồng số: 603/2023/HĐ-XLM ngày 13/9/2023 giữa Chi nhánh tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam – Công ty Xây lắp mỏ - TKV với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện gói cung cấp số 02: Tư vấn lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hộ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV.

Căn cứ Biên bản nghiệm thu ngày 11/12/2023 giữa Chi nhánh tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam – Công ty xây lắp mỏ - TKV với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất.

Hôm nay, ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại Văn Phòng Công ty Xây lắp mỏ - TKV, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi gồm:

I. THÀNH PHẦN:

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI NHÀ CUNG CẤP (BÊN A): CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM-CÔNG TY XÂY LẮP MỎ-TKV.

Địa chỉ : Số 804, Khu 7B, P. Cẩm Phú, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện Thoại : 0203.3862.601 - Fax: 0203.3860.288

Mã số thuế : 5700100256-067

Tài khoản : 118002646999 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Uông Bí.

Đại diện là ông : **Lê Trung Toán** - Chức vụ: Giám đốc.

ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP (BÊN B): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30, phố Tạ quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng GD : Tầng 1 Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 18 phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 84(24) 37550428

Mã số thuế : 0101074336

Tài khoản : 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội

Đại diện là ông : **Trần Đình Kiên** - Chức vụ: Giám đốc.

II. NỘI DUNG: Hai bên thống nhất quyết toán và thanh lý hợp đồng số 603/2023/HĐ-XLM ngày 13/9/2023 với nội dung như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện hợp đồng.

- Hai bên đã thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ và trách nhiệm trong Hợp đồng được hai bên thống nhất ký kết về việc Bên A thuê Bên B thực hiện Tư vấn lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hộ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty Xây lắp mỏ - TKV.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng không xảy ra tranh chấp.

2. Khối lượng thực hiện và tiến độ thực hiện.

- Khối lượng thực hiện: Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc Tư vấn lập đề tài nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn hợp lý, thiết kế hoàn thiện hộ chiếu khoan nổ mìn cho các dạng tiết diện đường lò đang áp dụng tại Công ty xây lắp mỏ - TKV được ghi tại hợp đồng số 603/2023/HĐ-XLM ngày 13/9/2023, đảm bảo yêu cầu của Bên A và đã được bên A nghiệm thu.

- Tiến độ thực hiện: Đảm bảo đúng tiến độ Hợp đồng.

3. Giá trị quyết toán và thanh lý hợp đồng.

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT)	Đồng	350.405.266
2	Giá trị quyết toán và thanh lý hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT)	Đồng	350.405.266
3	Giá trị đã thanh toán	Đồng	0
4	Giá trị bên A còn phí thanh toán cho bên B	Đồng	350.405.266


(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu, bốn trăm linh năm nghìn, hai trăm sáu mươi sáu đồng).

4. Các nội dung khác.

- Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B với số tiền: **350.405.266 đồng.**


- Kể từ ngày 11/12/2023 hợp đồng số: 603/2023/HĐ-XLM ngày 13/9/2023 được thanh lý xong, quyền và nghĩa vụ của hai bên đã thực hiện đầy đủ và sẽ chấm dứt mà không có vướng mắc hay tranh chấp gì.

III. Kết luận.

- Biên bản thanh lý này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 603/2023/HĐ-XLM ngày 13/9/2023. 

- Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. *ju*

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC *J*



Lê Trung Toán

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên